

Số: 1207 /QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên chính quy trình độ đại học
Học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản số 11/BB-HBKKHT ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng Xét học bổng khuyến khích học tập và chế độ chính sách đối với sinh viên về việc xét miễn, giảm học phí cho sinh viên chính quy Học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 (đợt 2);

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của 32 sinh viên chính quy trình độ đại học của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Theo đề nghị của Phòng Công tác Chính trị - Quản lý sinh viên - Khởi nghiệp tại Tờ trình số 15/TTr-P.QLSV ngày 08 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định miễn, giảm học phí học kỳ 1, năm học 2026 - 2027 đợt 2 cho 32 sinh viên, gồm: giảm 100% học phí cho 03 sinh viên; giảm 70% học phí cho 29 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Công tác Chính trị - Quản lý sinh viên - Khởi nghiệp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa chuyên ngành và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *vt*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Lưu VT, QLSV.
- (Hien)

Q. HIỆU TRƯỞNG *vt*



Đỗ Thị Tuyết Nhung

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 - 2027 (ĐỢT 2)
(Kèm theo quyết định số 1207/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 10 năm 2026)

STT	MSSV	Họ và Tên	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng xin miễn giảm
ĐỐI TƯỢNG MIỄN 70% HỌC PHÍ						
1	CNDT2311046	Tè Phước Toàn	Khmer	CNDT2311	Ấp An Hòa 2, xã Thạnh Thới An, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
2	LUAT2311019	Sơn Thị Mỹ Như	Khmer	LUAT2311	Ấp Trà Đức, xã Tàì Văn, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
3	CNXD2411044	Huỳnh Lâm Đờì	Khmer	CNXD2411	Ấp Tàì Công, xã Tàì Văn, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
4	QLCN2411047	Lý Thị Ngọc Hân	Khmer	QLCN2411	Ấp An Hòa 2, xã Thạnh Thới An, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
5	CNDD2511104	Dương Vũ Điền	Khmer	CNDD2511	ấp Đại Nôn, xã Liêu Tú, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
6	CNSH2511041	Thạch Châu Anh Khoa	Khmer	CNSH2511	Ấp Phước Thuận, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
7	LQCC2511061	Trần Thanh Trúc	Hoa	LQCC2511	Ấp An Trạch, xã An Ninh, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
8	CNCD26110056	Chau Oanh Na	Khmer	CNCD26110	Tổ 15, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, tỉnh An Giang	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
9	CNDD26110041	Trầm Thuận Phát	Hoa	CNDD26110	Ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
10	CNDT26110038	Thái Trường Thành	Khmer	CNDT26110	Ấp Xẻo Thùng, xã Đất mới, tỉnh Cà Mau	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
11	CNHH26110040	Ong Minh Tỷ	Hoa	CNHH26110	Ấp Vĩnh Thạnh B, Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
12	CNSH26110043	Tô Lâm Mỹ Sang	Hoa	CNSH26110	Khu vực Trà Teo, phường Khánh Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
13	CNTP26110078	Kim Thị Thanh Tuyền	Khmer	CNTP26110	Ấp Trà Quýt B, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
14	CNTT26110037	Thạch Dương Anh Khoa	Khmer	CNTT26110	Ấp Trung Hòa, xã Tuân Tứ, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
15	CNXD26110005	Danh Thế Sơn	Khmer	CNXD26110	Tổ 17, ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
16	HTTT26110070	Trà Thị Thanh Vân	Khmer	HTTT26110	Ấp Trà Sét, xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
17	KETO26110009	Thạch Thị Thu Hà	Khmer	KETO26110	ấp Khoan Tang, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
18	KHMT26110073	Trương Lệ Quân	Hoa	KHMT26110	Khu vực Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
19	LUAT26110029	Tôn Kim Ngân	Hoa	LUAT26110	Ấp An Thành, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
20	NGNA26110008	Tăng Thanh An	Khmer	NGNA26110	Ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
21	NGNA26110065	Trịnh Minh Trí	Khmer	NGNA26110	Ấp Phụng Hiệp, xã An Ninh, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
22	QLCN26110009	Danh Trọng Tấn	Khmer	QLCN26110	Ấp Ninh Chùa, xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
23	QLCN26110065	Danh Thị Bé Thơ	Khmer	QLCN26110	Tổ 14, ấp Minh HƯng, xã Châu Thành, tỉnh An Giang	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
24	QLXD26110075	Lâm Thành Duy	Khmer	QLXD26110	Ấp Trà Ong, xã Liêu Tú, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
25	QLXD26110076	Lâm Phúc Thịnh	Khmer	QLXD26110	Ấp Phước An, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số áp đặc biệt khó khăn
26	LQCC2311045	Danh Thị Chanh Đa	Khmer	LQCC2311	Khóm Tân Hiệp B, xã Ốc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Dân tộc thiểu số xã khu vực III
27	LQCC2511039	Huỳnh Thị Thùy Linh	Khmer	LQCC2511	Số nhà 150/3, ấp Cầu Chùa, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số xã khu vực III

STT	MSSV	Họ và Tên	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng xin miễn giảm
28	KETO26110004	Trần Như Ngọc	Hoa	KETO26110	Áp 5, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số xã khu vực III
29	CNTT26110045	Lâm Thiên Tường	Khmer	CNTT26110	Khu 2, ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ	Dân tộc thiểu số ấp đặc biệt khó khăn
ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 100% HỌC PHÍ						
30	KHMT26110020	Trà Kim Hoàng	Khmer	KHMT26110	đường Lê Hồng Phong, Phú Lợi, Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	dân tộc thiểu số hộ cận nghèo
31	CNDD26110038	Nguyễn Thị Tường Vy	Kinh	CNDD26110	Tổ 7, khóm Voi 1, phường Chi Lăng, tỉnh An Giang	Sinh viên khuyết tật
32	CNCD26110040	Nguyễn Hoàng Minh Nhựt	Kinh	CNCD26110	449, ấp Long Đại, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	Sinh viên khuyết tật

